

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-SLĐTBXH ngày 10/01/2025 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 đối với Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 31/03/2025 về việc tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ việc làm trực thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 04/04/2025 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trung tâm Dịch vụ việc làm trực thuộc Sở nội vụ tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông báo số 328/TB-STC ngày 28 tháng 05 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang về việc thẩm định quyết toán năm 2024;

Xét đề nghị của phòng hành chính- kế toán về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Trung tâm Dịch vụ việc làm (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3. Phòng Hành chính - kế toán, Trưởng các phòng chuyên môn, Viên chức, người lao động trung tâm và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./. *Che*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: VT.



Nguyễn Phi Hùng



Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2021 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Dịch vụ việc làm

Chương: 424

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 06 tháng 6 năm 2025

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm Dịch vụ việc làm công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 như sau:

DV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				



Chữ

ĐV tính: Triệu đồng

2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội	6.770	4.291		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.546	1.546	100%	99%
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.224	2.745	53%	TÍNH 90%
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Kế toán

Chi

Hồ Thị Huyền Chi

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Phi Hùng